TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/06/2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Hoài Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2025 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2025/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/06/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: chị Trần Thị N, sinh ngày 29/11/1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

+ Bị đơn: anh Nguyễn Doãn T, sinhngày 16/03/1980.

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:* Chị N và anh T sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/7/2005. thời gian chung sống được khoảng một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân chủ yếu là do anh không quan tâm đến gia đình, mỗi lần uống rượu về là anh T có những lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị N một cách vô cớ, mặc dù chị N và hai bên gia đình góp ý,

động viên nhiều lần nhưng anh T không nghe. Do đó chị N đã bỏ đi làm công nhân tại Bình Dương từ tháng 2 năm 2023 mong rằng để anh T thay đổi nhưng mỗi lần chị về thăm nhà, thăm con cái thì anh T lại tiếp tục kiếm chuyện gây sự xúc phạm đánh đập chị. Xét thấy vợ chồng không còn cơ hội để đoàn tụ; mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Doãn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh T có hai con chung là Nguyễn Trần Quang H, sinh ngày 19/8/2005 và Nguyễn Trần Phương V, sinh ngày 20/6/2009. Trường hợp cháu V có nguyện vọng ở với anh T thì chị đồng ý để anh T trược tiếp nuôi con. Còn nếu con chung Nguyễn Trần Phương V có nguyện vọng ở với chị thì đề nghị Toà án giải quyết cho chị được quyền nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Đối với Nguyễn Trần Quang H đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Doãn T trình bày: thống nhất như lời khai của chị N về việc xác lập quan hệ hôn nhân và thời gian đăng ký kết hôn. Theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là do vợ chồng không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung, mặt khác do kinh tế thiếu thốn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xúc cải cọ xúc phạm, thiếu tôn trọng nhau. Những lúc vợ chồng mâu thuẫn do không kìm chế được nên anh cũng có xúc phạm đánh đập chị N. Hiện nay chị N làm đơn ly hôn thì nguyện vọng của anh mong muốn vợ chồng bỏ qua cho nhau để về chung sống tiếp tục nuôi dạy con cái. Trường hợp chị N kiên quyết ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Anh T thống nhất như lời khai của chị N đã trình bày. Đối với con chung là Nguyễn Trần Quang H đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn đối với Nguyễn Trần Phương V thì anh T cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, và không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp con chung Nguyễn Trần Phương V có nguyện vọng ở với mẹ thì anh cũng chấp nhận giao con chung là Nguyễn Trần Phương V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Doãn T vắng mặt lần thứ hai. Nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực

hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Doãn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Doãn T. Giao cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Trần Phương V cho đến khi đủ 18 tuổi; chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Doãn T cư trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

- Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt các đương sự: Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Doãn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Trần Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[**2**] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Doãn T và chị Trần Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/7/2005, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xúc phạm nhau, làm tổn hại đến danh dự và làm tổn thất về tinh thần của nhau.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương đã xác định do mâu thuẫn gia đình nên vợ chồng anh T, chị N không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay.

Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Trần Thị N và anh Nguyễn Doãn T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N là có căn cứ.

- *Về con chung*: chị N và anh T có hai con chung là Nguyễn Trần Quang H, sinh ngày 19/8/2005 và Nguyễn Trần Phương V, sinh ngày 20/6/2009. Trong quá trình giải quyết cả chị N và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Trần Phương V. Theo ý kiến anh T thì trường hợp cháu V có nguyện vọng ở với mẹ thì anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Tại văn bản ghi nhận ý kiến thì cháu Nguyễn Trần Phương V có nguyện vọng được ở với chị N. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung là Nguyễn Trần Phương V, sinh ngày 20/6/2009 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Trần Thị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với con chung là Nguyễn Trần Quang H hiện nay đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[**3**] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Doãn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Phương V, sinh ngày 20/6/2009 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với con chung là Nguyễn Trần Quang H, sinh ngày 19/8/2005 hiện nay đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập

giải quyết.

Anh Nguyễn Doãn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Nguyễn Doãn T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc tranh nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị N đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2023/0001010 ngày 28/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-VKSND huyện EaKar;
-THADS huyện EaKar;
- UBND xã C;
-Lưu HS.

(đã ký)

Hoàng Long